

CHƯƠNG 4: VỐN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ

4.1. Vốn sản xuất và vốn đầu tư

4.1.1. Vốn sản xuất

- Dựa vào chức năng tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, tài sản quốc gia chia làm 2 loại:

+ Tài sản sản xuất: tài sản cố định và tài sản lưu động (tham gia quá trình sản xuất) → vốn sản xuất.

+ Tài sản phi sản xuất: công trình công cộng, công trình kiến trúc, nhà ở, cơ sở quân sự... (không tham gia quá trình sản xuất).

- Vốn sản xuất là giá trị của những tài sản được sử dụng làm phương tiện trực tiếp sử dụng cho quá trình sản xuất và dịch vụ, bao gồm vốn cố định và vốn lưu động.

4.1.2. Vốn đầu tư và các hình thức đầu tư

4.1.2.1. Vốn đầu tư

- Để tạo ra những tài sản vật chất cụ thể phải dùng vốn đầu tư thông qua hoạt động đầu tư.

- Vốn đầu tư chia làm 2 loại:

+ Vốn đầu tư sản xuất: dùng để đầu tư trực tiếp phục vụ quá trình sản xuất (mua tài sản sản xuất).

+ Vốn đầu tư phi sản xuất: dùng để đầu tư vào công trình không tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất (công trình công cộng, công trình kiến trúc, nhà ở, cơ sở quân sự).

- Vốn đầu tư sản xuất là toàn bộ các khoản chi phí nhằm duy trì hoặc gia tăng mức vốn sản xuất.

- Vốn đầu tư sản xuất được chia thành vốn đầu tư vào tài sản cố định và vốn đầu tư vào tài sản lưu động.

- Vốn đầu tư vào tài sản cố định chia thành vốn đầu tư cơ bản và vốn đầu tư sửa chữa lớn.

+ Vốn đầu tư cơ bản làm tăng khối lượng thực tế của tài sản cố định gồm bù đắp số tài sản cố định bị hao mòn và tăng thêm phần xây lắp dở dang.

+ Vốn đầu tư sửa chữa lớn không làm tăng khối lượng thực thể tài sản cố định nhưng để sửa chữa lớn tài sản cố định.

- Hoạt động đầu tư cho sản xuất là việc sử dụng vốn đầu tư để phục hồi năng lực sản xuất cũ và tạo thêm năng lực sản xuất mới. Hoạt động đầu tư là rất cần thiết, xuất phát từ 3 lý do:

+ Phải tiến hành đầu tư để bù đắp giá trị tài sản cố định bị hao mòn và duy trì dự trữ nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất tiếp theo. Tức là đầu tư nhằm thực hiện tái sản xuất giản đơn tài sản sản xuất.

+ Do quy mô sản xuất ngày càng phát triển, đòi hỏi phải tiến hành đầu tư nhằm tăng thêm tài sản cố định mới, tăng thêm dự trữ tài sản cố định. Tức là thực hiện tái sản xuất mở rộng.

+ Do tiến bộ công nghệ phát triển không ngừng, máy móc thiết bị bị lạc hậu, do đó phải đầu tư mới thay thế tài sản sản xuất đã bị hao mòn.

4.1.2.2. Các hình thức đầu tư

Đầu tư trực tiếp là hoạt động đầu tư mà người có vốn tham gia trực tiếp vào quá trình hoạt động và quản lý đầu tư, họ biết được mục tiêu đầu tư cũng như phương thức hoạt động của các loại vốn mà họ bỏ ra. Hoạt động đầu tư này thể hiện ở các dạng: liên doanh, công ty cổ phần, công ty TNHH.

Đầu tư gián tiếp là hình thức bỏ vốn vào hoạt động kinh tế nhằm đem lại hiệu quả cho bản thân người có vốn cũng như cho xã hội, nhưng người có vốn không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư. Hoạt động đầu tư này thể hiện ở các dạng: cổ phiếu, tín phiếu... Hình thức này ít gặp rủi ro hơn so với đầu tư trực tiếp.

4.2. Vai trò của vốn sản xuất và vốn đầu tư với tăng trưởng và phát triển kinh tế

4.2.1. Phân tích mô hình Harrod – Domar

- Dựa trên tư tưởng của Keynes, 2 nhà kinh tế học Harrod của Anh và Domar của Mỹ đã đưa ra mô hình: đầu ra của bất kỳ đơn vị kinh tế nào dù là công ty, ngành, toàn bộ nền kinh tế sẽ phụ thuộc vào tổng số vốn đầu tư cho đơn vị đó.

- Nếu gọi đầu ra là Y

- Nếu gọi tốc độ tăng trưởng của đầu ra là g , tức là $g = \frac{\Delta Y}{Y}$

- Nếu gọi S_t là mức tích lũy của nền kinh tế thì tỉ lệ tích lũy (s) trong GDP sẽ là: $s = \frac{S_t}{Y}$

- Vì tiết kiệm là nguồn của đầu tư, nên về mặt lý thuyết đầu tư luôn bằng tiết kiệm I_t ($S_t = I_t$). Do đó: $s = \frac{I_t}{Y}$

Mục đích của đầu tư là tạo ra vốn sản xuất nên $I_t = \Delta K_t$.

Nếu gọi k là tỉ lệ gia tăng giữa vốn và sản lượng (còn gọi là hệ số ICOR), ta có: $k = \frac{\Delta K_t}{\Delta Y}$ hoặc $k = \frac{I_t}{\Delta Y}$

$$\text{vì: } \frac{\Delta Y}{Y} = \frac{I_t \cdot \Delta Y}{I_t \cdot Y} = \frac{I_t}{Y} : \frac{I_t}{\Delta Y} \Rightarrow g = \frac{s}{k}$$

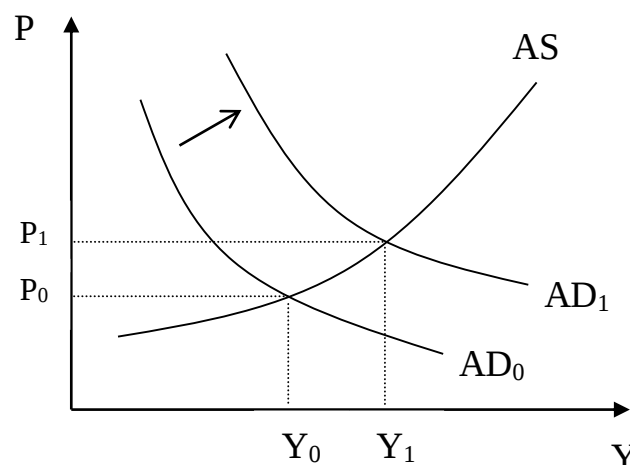
Hệ số ICOR nói lên rằng, vốn sản xuất được tạo ra bằng đầu tư dưới dạng nhà máy, trang thiết bị là yếu tố cơ bản của tăng trưởng, các khoản tiết kiệm của dân cư và các công ty chính là nguồn gốc cơ bản của vốn đầu tư.

Chú ý: tỷ số gia tăng vốn và sản lượng chỉ đo năng lực vốn sản xuất của phần vốn tăng thêm (khác với tỉ số trung bình vốn và đầu ra phản ánh năng lực của toàn bộ vốn sản xuất).

4.2.2. Tác động của vốn đầu tư và vốn sản xuất đến tăng trưởng kinh tế

* Đầu tư tác động lớn đối với tổng cầu và do đó tác động tới sản lượng và công ăn việc làm. Khi đầu tư tăng thì nhu cầu về chi tiêu để mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng tăng. Sự thay đổi này làm cho tổng cầu dịch chuyển.

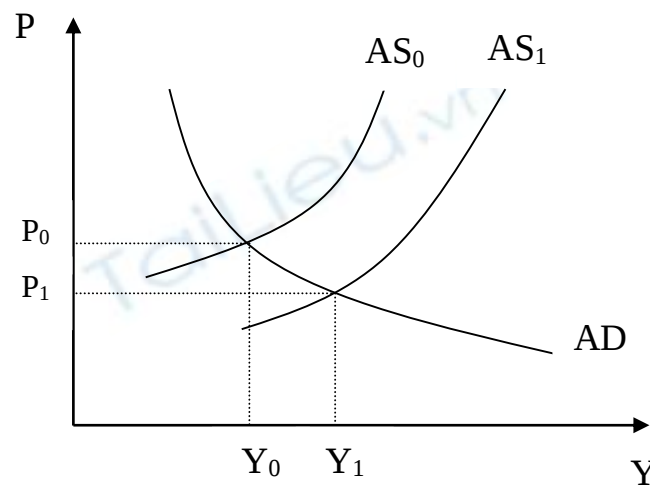
Tác động của vốn đầu tư đến tăng trưởng kinh tế biểu diễn qua đồ thị sau:



* Nếu nền kinh tế với đường tổng cầu AD_0 đang cân bằng tại điểm E_0 , thì dưới tác động của tăng đầu tư dẫn đến tổng cầu dịch chuyển $AD_0 \rightarrow AD_1$ thiết lập điểm cân bằng mới tại E_1 làm sản lượng tăng $Y_0 \rightarrow Y_1$ và mức giá tăng $P_0 \rightarrow P_1$.

* Kết quả của đầu tư sẽ dẫn tới tăng vốn sản xuất, tức là có thêm nhà máy, thiết bị, phương tiện vận tải mới đưa vào sản xuất, làm tăng khả năng sản xuất của nền kinh tế. Sự thay đổi này tác động đến tổng cung.

Sự tác động của vốn sản xuất đến tăng trưởng kinh tế



Nếu nền kinh tế với đường tổng cung AS_0 đang cân bằng tại điểm E_0 thì dưới tác động của tăng vốn sản xuất thì làm dịch chuyển tổng cung $AS_0 \rightarrow AS_1$, thiết lập điểm cân bằng mới E_1 . Tức là làm sản lượng tăng từ $Y_0 \rightarrow Y_1$ làm mức giá giảm từ P_0 xuống P_1 .

- Sự tác động của vốn đầu tư và vốn sản xuất đến tăng trưởng kinh tế không phải là quá trình riêng lẻ, mà nó là sự kết hợp, đan xen lẫn nhau tác động liên tục vào nền kinh tế.

- Vốn đầu tư và vốn sản xuất là yếu tố quan trọng nhất của quá trình sản xuất. Tăng vốn đầu tư là có tác dụng:

+ Cơ sở để tạo ra vốn sản xuất, tăng năng lực sản xuất của doanh nghiệp, của nền kinh tế.

+ Là điều kiện để nâng cao trình độ khoa học công nghệ, tăng đầu tư theo chiều sâu, hiện đại hoá quá trình sản xuất.

+ Giải quyết công ăn việc làm khi mở ra các công trình xây dựng, mở rộng quy mô sản xuất.

+ Cơ cấu sử dụng vốn đầu tư là điều kiện quan trọng tác động vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước.

4.3. Các yếu tố tác động đến cầu vốn đầu tư

- Cầu đầu tư là dự định (kế hoạch) đầu tư của chủ đầu tư nhằm thay thế và tăng thêm giá trị tài sản cố định hay dự trữ tài sản lưu động. Giá trị tài sản này là để đáp ứng yêu cầu của sản xuất hoặc tiêu thụ trong tương lai.

- Cầu đầu tư phụ thuộc chủ yếu vào nhịp độ tăng nhu cầu sản phẩm hàng hoá và dịch vụ.

- Khối lượng cầu vốn đầu tư bao gồm vốn đầu tư tăng tài sản cố định và vốn đầu tư tăng tài sản lưu động. Có 2 nhân tố ảnh hưởng đến cầu đầu tư.

+ Lãi suất tiền vay (giá cả của vốn đầu tư).

+ Nhân tố ngoài lãi suất tiền vay.

4.3.1. Lãi suất tiền vay

- Yêu cầu của sản xuất là cần tăng thêm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải nhằm mở rộng năng lực sản xuất. Nhà đầu tư phải so sánh giữa lợi ích mang lại do sử dụng máy móc thiết bị phương tiện mới (thể hiện qua lợi nhuận tăng thêm) với khoản chi phí cho đầu tư. Nhưng:

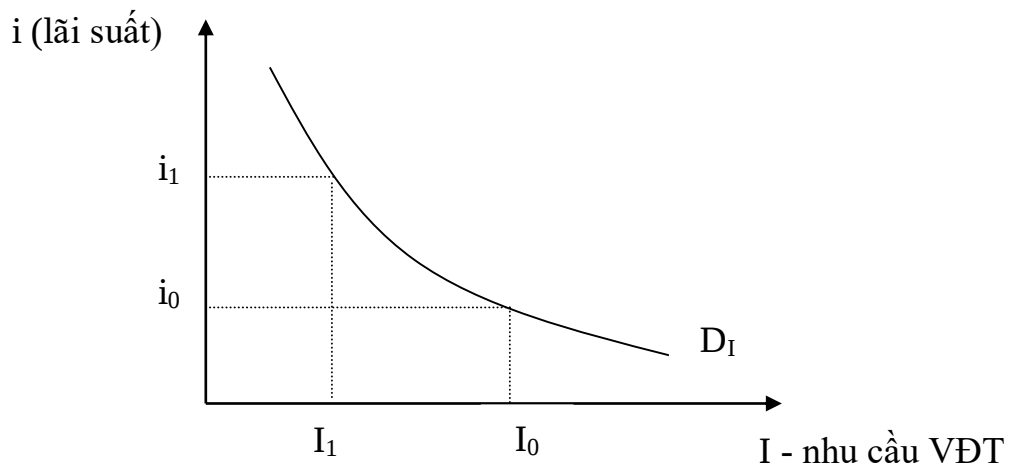
+ Vốn đầu tư phải bỏ ra ngay tại thời điểm hiện tại.

+ Lợi ích thu được thì phải trong tương lai.

- Vì vậy phải xác định được lợi nhuận thu được trong tương lai có lớn hơn mức lãi suất phải trả khi chủ đầu tư vay vốn đầu tư hay không?

- Do đó nếu lãi suất tiền vay càng tăng thì lợi nhuận càng giảm → nhu cầu đầu tư giảm và ngược lại.

- Đường cầu đầu tư D_I biểu diễn mối quan hệ giữa lãi suất tiền vay và nhu cầu vốn đầu tư ở mỗi điểm lãi suất cụ thể.



Nếu lãi suất tiền vay tăng từ i_0 lên i_1 thì nhu cầu đầu tư sẽ giảm từ $I_0 \rightarrow I_1$.

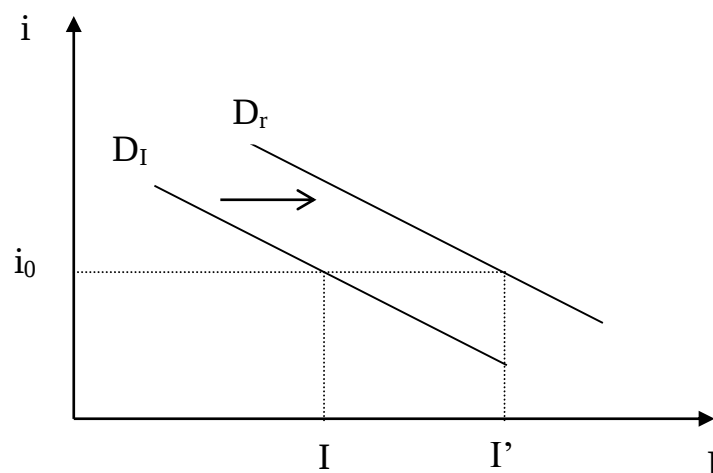
4.3.2. Các nhân tố ngoài lãi suất tiền vay

4.3.2.1. Chu kỳ kinh doanh

- Đầu tư sẽ đem lại sự tăng thu nhập nếu tiêu thụ sản phẩm nhiều hơn và chi phí sản xuất thấp hơn.

- Do đó yếu tố quyết định đầu tư là mức sản lượng đầu ra, mà yếu tố này chịu ảnh hưởng của chu kỳ kinh doanh.

- Khi chu kỳ kinh doanh ở vào thời kỳ đi lên, quy mô của nền kinh tế mở rộng, nhu cầu đầu tư gia tăng dẫn đến đường cầu đầu tư dịch phải từ $D_I \rightarrow D_r$ và ngược lại tương ứng với mỗi mức lãi suất tiền vay cụ thể.



Ảnh hưởng của chu kỳ kinh doanh đến cầu đầu tư:

- + Thời kỳ kinh doanh đi lên, nhu cầu đầu tư tăng $D_I \rightarrow D_r$.
- + Với mức lãi suất tiền vay xác định i_0 nhu cầu vốn đầu tư tăng từ $I \rightarrow I'$ và ngược lại.

4.3.2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Các quy định về thuế của nhà nước ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp. Nếu thuế thu nhập doanh nghiệp tăng → tăng chi phí đầu tư → thu nhập của doanh nghiệp giảm → hạn chế đầu tư và ngược lại.

- Nhà nước muốn kích thích đầu tư thì bằng cách miễn giảm thuế đối với các khoản lợi nhuận dùng để tái đầu tư.

4.3.2.3. Môi trường đầu tư

- Khi quyết định đầu tư, các nhà đầu tư đặt cược (bỏ ra) 1 số tiền lớn trong hiện tại và hy vọng thu được nhiều lợi nhuận hơn trong tương lai. Do đó đầu tư luôn đòi hỏi một môi trường thích hợp thì sẽ thu hút và khuyến khích đầu tư.

- Môi trường đầu tư bao gồm nhiều yếu tố tác động đến hiệu quả của dự án đầu tư. Đó là:

- + Quy định của pháp luật đầu tư: Chế độ thuế, giá nhân công.
- + Thực trạng của cơ sở hạ tầng.
- + Chế độ sử dụng đất đai, thuế, chuyển nhượng, giá cả.
- + Thủ tục hành chính, tình hình chính trị xã hội.

4.4. Các nguồn hình thành vốn đầu tư

- Khi quyết định đầu tư, rất ít khi doanh nghiệp sử dụng tiền mặt để trang trải cho các khoản đầu tư, mà doanh nghiệp sẽ thông qua các tổ chức tài chính (ngân hàng) để vay vốn đầu tư và phải trả thêm một khoản lãi suất tiền vay.

- Ngân hàng, tổ chức tài chính là những trung gian thực hiện nhiệm vụ chuyển số tiền tiết kiệm trong các hộ gia đình gửi ngân hàng sang các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư và hưởng chênh lệch giữa 2 mức lãi suất tiền vay và tiền gửi.

- Khối lượng tiền gửi tiết kiệm của các hộ gia đình phụ thuộc vào thu nhập và mức lãi suất tiền gửi.

- Khi nền kinh tế càng phát triển thì tỉ lệ tiết kiệm càng tăng. Đối với các nước chậm phát triển, thu nhập thấp thì quy mô và tỉ lệ tiết kiệm thấp trong khi đó yêu cầu của sự phát triển kinh tế ngày càng tăng đòi hỏi nguồn

vốn đầu tư ngày càng lớn. Vì vậy cần thiết phải có nguồn hỗ trợ từ bên ngoài.

- Vì vậy đối với 1 quốc gia, tiết kiệm có được là tổng số tiền tiết kiệm trong nước (S_d) và tiết kiệm ngoài nước (S_f). $S = S_d + S_f$

4.4.1. Tiết kiệm trong nước

4.4.1.1. Tiết kiệm của Chính phủ

Theo tính chất sở hữu, tiết kiệm nhà nước gồm:

- + Tiết kiệm của ngân sách nhà nước.
- + Tiết kiệm của công ty nhà nước.

Tiết kiệm của công ty nhà nước và tiết kiệm của công ty tư nhân gọi là tiết kiệm của các công ty.

- Do đó tiết kiệm của Chính phủ ở đây chỉ giới hạn trong phạm vi tiết kiệm của ngân sách nhà nước.

- Tiết kiệm ngân sách nhà nước = Tổng số thu ngân sách – Các khoản chi tiêu.

+ Các khoản thu ngân sách gồm: thuế, thu phí và lệ phí có tính chất thuế.

+ Các khoản chi tiêu ngân sách của Chính phủ gồm:

- Chi mua hàng hoá và dịch vụ:

* Dịch vụ: chi cho bộ máy quản lý nhà nước, văn hoá, giáo dục, y tế, hoạt động khoa học, an ninh, quốc phòng...

* Chi mua hàng hoá chính là khoản chi đầu tư phát triển gồm chi xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển ngành kinh tế.

- Chi cho các khoản trợ cấp.
- Chi trả lãi suất các khoản tiền vay của Chính phủ.

- Chú ý: Trong các khoản chi tiêu Chính phủ qua ngân sách thì:

+ Chi mua hàng hoá, dịch được tính vào GDP.

+ Chi trợ cấp tính vào thu nhập các hộ gia đình.

+ Chi trả lãi suất các khoản tiền vay của Chính phủ được coi là thanh toán chuyển khoản không phải là yếu tố cấu thành nên GDP.

4.4.1.2. Tiết kiệm của công ty

- Tiết kiệm của công ty được xác định trên cơ sở doanh thu của công ty và các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu của công ty (TR): Là các khoản thu nhập được của công ty do tiêu thụ hàng hoá hoặc các dịch vụ sau khi trừ đi các chi phí trung gian trong quá trình sản xuất.

- Tổng các khoản chi phí (TC) gồm các khoản trả tiền công, tiền thuê đất đai, trả lãi suất tiền vay, thuế kinh doanh.

- Lợi nhuận trước thuế của công ty: $P_{R \text{ trước thuế}} = TR - TC$

- Lợi nhuận sau thuế của công ty: $P_{R \text{ sau thuế}} = P_{R \text{ trước thuế}} - T_{de}$

T_{de} : thuế thu nhập công ty

- Trong P_r sau thuế sau khi trừ đi phần trả lợi tức cổ phần, lợi tức phần góp vốn (gọi là lợi nhuận không chia) thì phần P_r sau thuế còn lại cộng với quỹ khấu hao cơ bản tạo thành nguồn vốn đầu tư của công ty.

4.4.1.3. Tiết kiệm của dân cư

- Tiết kiệm của dân cư phụ thuộc vào thu nhập và chi tiêu gia đình .

- Thu nhập của hộ gia đình bao gồm:

+ Thu nhập có thể sử dụng được D_I .

+ Thu nhập khác.

- Thu nhập có thể sử dụng được: $D_I = NI - T_d + S_d$

NI : Thu nhập quốc dân sản xuất.

T_d : Thuế thu nhập (gồm thuế thu nhập công ty T_{de} và thuế thu nhập cá nhân T_{dh}).
 $T_d = T_{de} + T_{dh}$

S_d : Các khoản trợ cấp của Chính phủ.

- Các khoản thu nhập khác: Viện trợ, thừa kế, bán tài sản, xổ số, các khoản đi vay.

- Chi tiêu của hộ gia đình gồm:

+ Các khoản chi mua hàng hoá và dịch vụ:

• Chi mua hàng hoá: lương thực, quần áo, phương tiện đi lại.

• Chi mua dịch vụ: du lịch, văn hoá, thể thao.

+ Chi trả lãi suất các khoản tiền vay.

4.4.2. Tiết kiệm ngoài nước

- Nguồn tiết kiệm ngoài nước, đó chính là các khoản đầu tư nước ngoài hay gọi là đầu tư quốc tế.

- Đầu tư nước ngoài là phương thức đầu tư vốn, tài sản ở nước ngoài để tiến hành sản xuất kinh doanh hay dịch vụ với mục đích kiếm lợi nhuận hoặc vì mục tiêu chính trị xã hội nhất định.

- Sự phát triển của đầu tư nước ngoài bắt nguồn từ 1 số nguyên nhân sau:

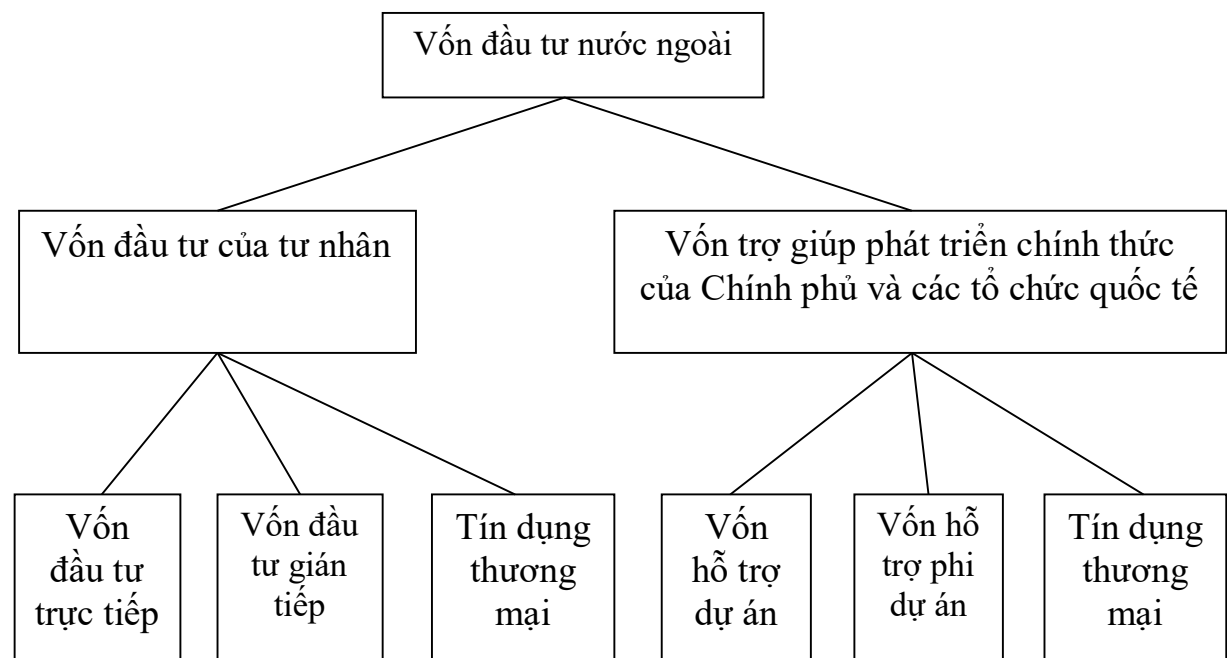
+ Xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá đã thúc đẩy quá trình tự do hoá thương mại và đầu tư quốc tế.

+ Sự phát triển nhanh chóng về khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực thông tin, truyền thông đã thúc đẩy quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế của các nước, tạo sự dịch chuyển vốn giữa các quốc gia.

+ Sự phát triển của quá trình sản xuất kinh doanh ở các nước đòi hỏi phải có đầu tư vốn nước ngoài.

- Về bản chất đầu tư nước ngoài là hình thức xuất khẩu tư bản, 1 hình thức cao hơn của xuất khẩu hàng hoá. Xuất khẩu tư bản và xuất khẩu hàng hoá luôn hỗ trợ cho nhau trong chiến lược xâm nhập, chiếm lĩnh thị trường của các công ty, các tập đoàn lớn của nước ngoài hiện nay.

- Nguồn vốn đầu tư nước ngoài bao gồm:



4.4.2.1. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- FDI là nguồn vốn đầu tư của tư nhân nước ngoài để đầu tư cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nhằm mục đích kiếm lợi nhuận.